

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm sử dụng
kinh phí quản lý hành chính cho các cơ quan quản lý hành chính nhà nước;
thực hiện nhiệm vụ và tài chính cho các đơn vị sự nghiệp năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ quan quản lý hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp năm 2024, cụ thể như sau:

1. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính cho các cơ quan quản lý hành chính nhà nước (Biểu số 01 kèm theo):

Kinh phí quản lý hành chính giao cho các cơ quan quản lý hành chính bao gồm: Các khoản chi thanh toán cá nhân, chi chuyên môn nghiệp vụ và các khoản chi khác có tính chất thường xuyên;

Kinh phí quản lý hành chính giao cho các cơ quan quản lý nhà nước được xem xét điều chỉnh, bổ sung khi các cơ quan được điều chỉnh nhiệm vụ và số biên chế được giao theo quy định của cấp có thẩm quyền hoặc do Nhà nước thay đổi chính sách, chế độ.

2. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ và tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập (Biểu số 02, 03 kèm theo):

Các đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ chỉ tiêu thu, chi ngân sách được giao chủ động thực hiện, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ; thực hiện xây dựng phương án tự chủ phù hợp với kế hoạch và điều kiện thực tế của đơn vị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để phê duyệt, sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp;

Trường hợp hoàn thành vượt mức dự toán thu thì được tăng chi tương ứng trên cơ sở đảm bảo đúng chế độ, chính sách của nhà nước và được cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt;

Kinh phí giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập được xem xét, điều chỉnh bổ sung khi các cơ quan được điều chỉnh nhiệm vụ và số lượng người làm việc theo quy định của cấp có thẩm quyền hoặc do Nhà nước thay đổi chính sách, chế độ.

Điều 2. Căn cứ kinh phí được giao và tình hình thực hiện nhiệm vụ, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định bố trí số kinh phí đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trên nguyên tắc công khai, dân chủ và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cát Hải và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./. *CĐ*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Cổng thông tin điện tử huyện (công khai);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Bùi Tuấn Mạnh

GIAO QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ KINH PHÍ
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CHO CÁC ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 17 /QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND huyện Cát Hải)

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	Ghi chú
1	Văn phòng Huyện ủy Cát Hải	11.165.834.000	
2	Mặt trận tổ quốc	1.511.910.000	
3	BCH đoàn huyện Cát Hải	887.344.000	
4	Ban chấp hành Hội phụ nữ	718.266.000	
5	Ban chấp hành Hội nông dân	653.668.000	
6	Ban chấp hành Cựu chiến binh	645.301.000	
7	Văn phòng HĐND và UBND huyện Cát Hải, gồm:	11.321.415.000	
	<i>Văn phòng HĐND và UBND huyện Cát Hải</i>	<i>10.967.664.000</i>	
	<i>Hội chữ thập đỏ</i>	<i>258.594.000</i>	
	<i>Hội Người cao tuổi</i>	<i>95.157.000</i>	
8	Phòng Tài chính-Kế hoạch	1.867.518.000	
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.921.663.000	
10	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	1.213.362.000	
11	Phòng Tài nguyên & Môi trường	1.232.768.000	
12	Phòng NN và PTNN	1.032.470.000	
13	Phòng Nội vụ, Lao động TB và XH, gồm:	2.282.473.000	
	<i>Phòng Nội vụ, Lao động TB và XH</i>	<i>2.168.169.000</i>	
	<i>Hội người mù</i>	<i>114.304.000</i>	
14	Thanh tra	1.029.383.000	
15	Phòng Tư pháp	916.579.000	
16	Phòng VH - TT - TT và Du lịch	930.643.000	
	Cộng	39.330.597.000	



**GIAO QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM
VỀ TÀI CHÍNH CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND huyện Cát Hải)

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	Tổng số	Chi tiết	
			Nguồn thu để lại	Ngân sách cấp
1	Mầm non Sơn Ca	5.220.000.000	166.000.000	5.054.000.000
2	Mầm non 3/2	5.937.000.000	155.000.000	5.782.000.000
3	Mầm non Trân Châu	2.245.000.000	52.000.000	2.193.000.000
4	Mầm non Xuân Đám	1.191.000.000	26.000.000	1.165.000.000
5	Mầm non Phù Long	1.910.000.000	50.000.000	1.860.000.000
6	Mầm non TT Cát Hải	5.020.000.000	131.000.000	4.889.000.000
7	Mầm non Sao Mai	2.351.000.000	69.000.000	2.282.000.000
8	Mầm non Đồng Bài	1.427.000.000	31.000.000	1.396.000.000
9	Mầm non Văn Phong	1.855.000.000	62.000.000	1.793.000.000
10	Mầm non Hoàng Châu	2.159.000.000	41.000.000	2.118.000.000
11	TH&THCS Hà Sen	6.813.000.000	65.000.000	6.748.000.000
	<i>Khởi Tiểu học</i>	<i>2.546.000.000</i>		<i>2.546.000.000</i>
	<i>Khởi THCS</i>	<i>4.267.000.000</i>	<i>65.000.000</i>	<i>4.202.000.000</i>
12	TH&THCS Xuân Đám	3.626.000.000	28.000.000	3.598.000.000
	<i>Khởi Tiểu học</i>	<i>1.494.000.000</i>		<i>1.494.000.000</i>
	<i>Khởi THCS</i>	<i>2.132.000.000</i>	<i>28.000.000</i>	<i>2.104.000.000</i>
13	TH&THCS Hiền Hào	3.544.000.000	15.000.000	3.529.000.000
	<i>Khởi Tiểu học</i>	<i>1.077.000.000</i>		<i>1.077.000.000</i>
	<i>Khởi THCS</i>	<i>1.946.000.000</i>	<i>8.000.000</i>	<i>1.938.000.000</i>
	<i>Cơ sở MN Hiền Hào</i>	<i>521.000.000</i>	<i>7.000.000</i>	<i>514.000.000</i>
14	TH&THCS Gia Luận	3.402.000.000	32.000.000	3.370.000.000
	<i>Khởi Tiểu học</i>	<i>898.000.000</i>		<i>898.000.000</i>
	<i>Khởi THCS</i>	<i>1.873.000.000</i>	<i>17.000.000</i>	<i>1.856.000.000</i>
	<i>Cơ sở MN Gia Luận</i>	<i>631.000.000</i>	<i>15.000.000</i>	<i>616.000.000</i>
15	TH&THCS Phù Long	3.955.000.000	69.000.000	3.886.000.000
	<i>Khởi Tiểu học</i>	<i>1.662.000.000</i>		<i>1.662.000.000</i>
	<i>Khởi THCS</i>	<i>2.293.000.000</i>	<i>69.000.000</i>	<i>2.224.000.000</i>
16	TH&THCS Văn Phong	3.726.000.000	76.000.000	3.650.000.000
	<i>Khởi Tiểu học</i>	<i>1.507.000.000</i>		<i>1.507.000.000</i>
	<i>Khởi THCS</i>	<i>2.219.000.000</i>	<i>76.000.000</i>	<i>2.143.000.000</i>
17	TH&THCS Hoàng Châu	3.608.000.000	68.000.000	3.540.000.000
	<i>Khởi Tiểu học</i>	<i>1.399.000.000</i>		<i>1.399.000.000</i>

TT	Đơn vị	Tổng số	Chi tiết	
			Nguồn thu để lại	Ngân sách cấp
18	<i>Khối THCS</i>	2.209.000.000	68.000.000	2.141.000.000
	TH&THCS Nghĩa Lộ	6.400.000.000	92.000.000	6.308.000.000
	<i>Khối Tiểu học</i>	2.876.000.000		2.876.000.000
19	<i>Khối THCS</i>	3.524.000.000	92.000.000	3.432.000.000
	THCS Cát Bà	8.016.000.000	447.000.000	7.569.000.000
	THCS Cát Hải	4.599.000.000	198.000.000	4.401.000.000
20	TH Nguyễn Văn Trỗi	6.831.000.000		6.831.000.000
21	TH Chu Văn An	4.625.000.000		4.625.000.000
22	TH Đoàn Đức Thái	4.312.000.000		4.312.000.000
23	TH Việt Hải	1.211.000.000	4.000.000	1.207.000.000
24	<i>Mầm non Việt Hải</i>	433.000.000	4.000.000	429.000.000
	<i>TH Việt Hải</i>	778.000.000		778.000.000
	Trung tâm chính trị huyện	570.000.000		570.000.000
25	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện	2.311.000.000	95.000.000	2.216.000.000
	Cộng	80.526.000.000	1.972.000.000	78.554.000.000



**GIAO QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM
VỀ TÀI CHÍNH CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND huyện Cát Hải)

TT	Đơn vị	Nguồn thu tại đơn vị	Ghi chú
1	Trung tâm phát triển quỹ đất	17.914.884.000	
2	Ban quản lý dự án đầu tư - Xây dựng huyện Cát Hải	40.964.922.938	
3	Ban quản lý Chợ Cát Bà	4.221.700.000	
4	Ban quản lý các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà	51.000.000.000	
		114.101.506.938	